

01. Lê Văn Q, sinh ngày 15/9/1987 tại huyện H, tỉnh T1; Nơi cư trú: Thôn B, xã H1, huyện H, tỉnh T1; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hữu T2 (đã chết) và bà Hoàng Thị H2 (sinh năm 1965); Có vợ là Nguyễn Thị B1 (sinh năm 1991 – đã ly hôn) và 02 con (Con lớn sinh năm 2011; nhỏ sinh năm 2014). Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/8/2021 đến ngày 27/8/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

02. Nguyễn Văn P, sinh ngày 06/7/1987 tại thành phố T1, tỉnh T1; Nơi cư trú: Thôn 4, phường Q1, thành phố T1, tỉnh T1; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn P1 (sinh năm 1962) và bà Phạm Thị X (sinh năm 1966); Có vợ là Nguyễn Thị Thùy D1 (sinh năm 1987) và 01 con (sinh năm 2013). Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/8/2021 đến ngày 27/8/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

03. Lê Văn N, sinh ngày 12/12/1995 tại thị xã N1, tỉnh T1; Nơi cư trú: Thôn 9, xã N2, thị xã N1, tỉnh T1; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn L (sinh năm 1965) và bà Đậu Thị T (sinh năm 1970); Có vợ là Dương Hoàng Y (sinh năm 1999) và 02 con (Con lớn sinh năm 2018; nhỏ sinh năm 2021). Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/8/2021 đến ngày 27/8/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

04. Lê Văn D, sinh ngày 20/6/1996 tại thành phố T1, tỉnh T1; Nơi cư trú: Số nhà 06, đường H3, khu phố 8, phường Đ, thành phố T1, tỉnh T1; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T4 (sinh năm 1965) và bà Lê Thị H4 (sinh năm 1972); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/8/2021 đến ngày 27/8/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

05. Bùi Văn C, sinh ngày 15/6/1989 tại huyện H, tỉnh T1; Nơi cư trú: Thôn X1, xã H1, huyện H, tỉnh T1; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn K (sinh năm 1963) và bà Trần Thị B2 (sinh năm 1970); Có vợ là Nguyễn Thị N3 (sinh năm 1988) và 02 con (Con lớn sinh năm 2016; nhỏ sinh năm 2018). Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/8/2021 đến ngày 27/8/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

06. Phạm Văn T, sinh ngày 06/9/1990 tại huyện N4, tỉnh T1; Nơi cư trú: Thôn L1, xã M, huyện N4, tỉnh T1; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T5 (sinh năm 1960) và bà Phạm Thị N4 (sinh năm 1965); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/8/2021 đến ngày 27/8/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

*** Người bào chữa cho bị cáo T:** Ông Vũ Ngọc T6 – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T7 *(Có mặt)*.

*** Người làm chứng:**

- Ông Trần Văn T8, sinh năm 1986; Địa chỉ: Khu phố P2, thị trấn B3, huyện H, tỉnh T1 *(Có mặt)*

- Anh Lê Văn Q2, sinh năm 1998; Địa chỉ: Khu phố 6, Phường Đ, thành phố T1, tỉnh T1. *(Vắng mặt)*

- Anh Đào Trọng T9, sinh năm 2001; Địa chỉ: Thôn T10, xã X2, huyện T11, tỉnh T1. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 17/8/2021, Lê Văn Q, Nguyễn Văn P, Lê Văn N, Lê Văn D, Bùi Văn C, Phạm Văn T và nhiều người khác đều là công nhân có tổ chức ăn uống tại phòng trọ của gia đình bà Nguyễn Thị N6, sinh năm 1959, có địa chỉ tại thôn N5, xã T13, huyện T12, tỉnh T7 do công ty trách nhiệm hữu hạn tự động hóa cơ điện L2 thuê của gia đình bà N6. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi ăn uống xong thì một số người về phòng trọ của mình đi ngủ và chơi điện thoại, còn Lê Văn Q rủ Nguyễn Văn P, Lê Văn D, Lê Văn N, Bùi Văn C, Phạm Văn T đánh bạc ăn tiền bằng hình thức chơi liêng. Khi tất cả đều đồng ý, Q lấy bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá bài màu xanh có sẵn trên cửa sổ đặt xuống chiếu.

Bắt đầu chơi Q có số tiền 1.500.000 đồng, P có số tiền 1.500.000 đồng, Ngọc có số tiền 1.400.000 đồng, D có số tiền 1.110.000 đồng, C có số tiền 1.100.000 đồng, T có số tiền 1.000.000 đồng. Sáu người ngồi quây tròn rồi bốc bài, ai nhất thì người đó làm cái. Người làm cái sẽ chia cho mỗi người ba lá rồi mỗi người bỏ ra giữa chiếu 10.000 đồng gọi là vào gà, khi lên bài nếu ai muốn tố bài thêm thì tiếp tục bỏ tiền vào gà nhưng không quá 200.000 đồng (cho 3 vòng), thứ tự theo vòng người nào là cái thì tố bài trước, ai không theo thì úp bài và nhận thua, ai có bài cao hơn thì người đó sẽ thắng và thu hết tiền gà. Khi lật bài để đo lớn bé thì tính như sau: Bài nào có “Sáp” là lớn nhất rồi đến “Liêng”, sau đó đến “Ảnh”, sau cùng là tính điểm. Sáp nghĩa là 03 lá bài giống nhau, theo tứ tự lớn nhất là sáp A (Át) rồi đến sáp K, sáp Q, sáp J rồi xuống đến cuối cùng là sáp 2 (hai). Liêng nghĩa là bài có 03 lá liền nhau như Q, K, A đồng thời cũng là liêng to nhất. Ảnh là bài có 02 lá K (ka) và một lá Q (quy) hoặc bất kỳ nhưng chỉ tính

trong số những lá bài J, Q, K và ảnh có đôi K là to nhất. Khi cộng điểm 03 lá bài trên tay thì chỉ tính điểm những lá Át (một) cho đến 9 còn các lá bài 10, J, Q, K thì là điểm 0 (không), cộng ba lá bài với nhau lấy số lẻ để tính và 9 điểm là to nhất. các chất "Cỏ", "Rô", "Nhép", "Bích" đều như nhau không phân biệt lớn bé. Khi các bài có liêng, ảnh và điểm bằng nhau thì những người đó tiếp tục chơi thêm một ván nữa và bỏ thêm 50.000 đồng, nếu bài ai to thì ăn tất.

Đến 23 giờ 40 phút cùng ngày khi sáu người đang đánh bạc trái phép thì bị Công an xã T13, huyện T12 phát hiện, kiểm tra, bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 7.610.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm mười nghìn đồng) cùng 52 lá bài tú lơ khơ mà các bị can dùng để đánh bạc. Kiểm tra tài sản của Lê Văn D, Lê Văn N và Bùi Văn C lực lượng Công an quản lý số tiền 4.020.000 đồng.

Cả sáu bị cáo đều khai nhận tổng số tiền các bị cáo đánh bạc bị thu giữ trên chiếu là 7.610.000 đồng, trong đó theo các bị cáo thì số tiền dùng để đánh bạc của từng bị cáo lần lượt là: Lê Văn Q 1.500.000 đồng, Nguyễn Văn P 1.500.000 đồng, Lê Văn D 1.110.000đ, Lê Văn N 1.400.000 đồng, Bùi Văn C 1.100.000 đồng, Phạm Văn T 1.000.000 đồng. Đây là số tiền các bị cáo mang theo và có ý định dùng toàn bộ số tiền đó để đánh bạc.

Bản cáo trạng số 105/CT-VKS ngày 10/11/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố các bị cáo Lê Văn Q, Nguyễn Văn P, Lê Văn N, Lê Văn D, Bùi Văn C, Phạm Văn T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều đã thành khẩn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T12 tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Văn Q, Nguyễn Văn P, Lê Văn N, Lê Văn D, Bùi Văn C, Phạm Văn T phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 58 , Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo:

+ Bị cáo Lê Văn Q mức án 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

+ Các bị cáo Nguyễn Văn P và Lê Văn N mức án 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 54, Điều 58 , Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Lê Văn D, Phạm Văn T mức án phạt tiền từ 20.000.000đ đến 25.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 , Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn C mức án phạt tiền từ 20.000.000đ đến 25.000.000 đồng.

Ngoài ra còn đề xuất xử lý vật chứng, buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận gì và nói lời sau cùng: Các bị cáo đều ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của bản thân, do thiếu hiểu biết và bồng bột, ham vui nhất thời nên đã không ý thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo tha thiết xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất, để các bị cáo yên tâm cải tạo tại địa phương để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, lời khai của những người làm chứng ông Trần Văn T8, anh Lê Văn Q2, anh Đào Trọng T9; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản khám xét; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Vào khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 17/8/2021, các bị cáo Lê Văn Q, Nguyễn Văn P, Lê Văn N, Lê Văn D, Bùi Văn C, Phạm Văn T đã có hành vi cùng nhau đánh bạc sạt phạt nhau bằng tiền dưới hình thức "Đánh Liêng" với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 7.610.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện T12 đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 321 Tội đánh bạc:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm..."

.....

3. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.*

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, tạo dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đều là người trên 18 tuổi, có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Các bị cáo đều nhận thức được việc thực hiện hành vi đánh bạc dưới bất kỳ hình thức nào với mục đích được thua bằng tiền mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử và xử các bị cáo là cần thiết để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người lương thiện, góp phần đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Đây là vụ đồng phạm giản đơn, các bị cáo không bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi phạm tội, tất cả đều là người thực hành. Bị cáo Lê Văn Q là người khởi xướng và là người tham gia đánh nhiều tiền nhất nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Các bị cáo Nguyễn Văn P, Lê Văn N tham gia đánh bạc với số tiền nhiều hơn nên cùng giữ vai trò thứ hai, các bị cáo Lê Văn D, Bùi Văn C, Phạm Văn T do số tiền dùng để đánh bạc gần tương đương nhau nên cùng giữ vai trò thứ ba.

[5] Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo và phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đều được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bùi Văn C có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương chiến công, Huân chương chiến sĩ vẻ vang, được Bộ trưởng Bộ quốc phòng tặng bằng khen nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Từ những phân tích, nhận định về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo đều chấp hành tốt chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân, có xác nhận của địa phương ở nơi cư trú. Các bị cáo đánh bạc với số tiền không lớn, đều có 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy có khả năng tự cải tạo, việc không cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội cũng không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho các bị cáo Lê Văn Q, Nguyễn Văn P, Lê Văn N được hưởng án treo và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú, giám sát, giáo dục. Riêng các bị cáo Lê Văn D, Bùi Văn C và Phạm Văn T đánh bạc với số tiền không nhiều, có đủ điều kiện cá nhân để đảm bảo thi hành án nên áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo

cũng đủ sức răn đe, phòng ngừa, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, cũng như thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật, chính sách nhân đạo của Đảng và nhà nước ta, vừa tạo điều kiện cho các bị cáo yên tâm cải tạo, sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy là phù hợp.

[7] Các bị cáo đánh bạc nhằm mục đích kiếm lời, không áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lê Văn Q, Nguyễn Văn P, Lê Văn N theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên các bị cáo này đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có tài sản riêng gì có giá trị, công việc chưa ổn định do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 không có việc làm nên xét thấy cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, chỉ cần phạt tiền ở mức thấp hơn mức khởi điểm của khung hình phạt, xử phạt bị cáo Lê Văn Q, Nguyễn Văn P, Lê Văn N mỗi bị cáo 3.000.000 đồng sung vào công quỹ nhà nước.

[8] Về xử lý vật chứng: Theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Số tiền 7.610.000 đồng thu giữ trên chiếu là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân là công cụ phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy. Số tiền 4.020.000đ gồm 2.000.000đ thu từ bị cáo Lê Văn D; 1.500.000đ thu từ bị cáo Lê Văn N; 520.000đ thu từ bị cáo Bùi Văn C là số tiền các bị cáo đem theo nhưng không sử dụng vào đánh bạc, không là vật chứng vụ án, cần áp dụng khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho các bị cáo.

[9] Về các vấn đề khác: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T12 còn quản lý đồ vật, tài sản của: Lê Văn Q 01 ví giả da màu nâu, bên trong có 01 đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị B4; 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ngân hàng techcombank, 01 thẻ ngân hàng sacombank; Nguyễn Văn P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A12, vỏ màu nhám đen đã qua sử dụng; 01 ốp lưng có vết nứt vỡ; Lê Văn D 01 ví giả da màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu bạc; Lê Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu VOS 4.0 Vinsmart màu đen, 01 ốp nhựa dẻo; Bùi Văn C 01 ví giả da màu đen bên trong có 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô đều mang tên Bùi Văn C; Phạm Văn T 01 ví giả da màu nâu của bên trong có 01 căn cước công dân mang tên Phạm Văn T14; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ ngân hàng techcombank, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Phạm Văn T; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn T13. Xét thấy các đồ vật trên không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị cáo là đúng quy định của pháp luật. Đối với ông Trần Văn T8 là người đứng tên thuê nhà cho công nhân ở, quá trình điều tra xác định khi các bị cáo đánh bạc thì ông T8 ngủ, không biết, không liên quan gì đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không đặt ra vấn đề xử lý là phù hợp.

[10] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án và có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn Q, Nguyễn Văn P, Lê Văn N, Lê Văn D, Bùi Văn C, Phạm Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

2. Hình phạt:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; khoản 2 Điều 32; Điều 50; Điều 54, Điều 58 , Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo:

+ Bị cáo Lê Văn Q mức án 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung 3.000.000 (Ba triệu) đồng sung công quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Lê Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã H1, huyện H, tỉnh T1 giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

+ Mỗi bị cáo Nguyễn Văn P, Lê Văn N mức án 06 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung mỗi bị cáo 3.000.000 (Ba triệu) đồng sung công quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Văn P cho Ủy ban nhân dân phường Q1, thành phố T1, tỉnh T1 giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Lê Văn N cho Ủy ban nhân dân xã N2, thị xã N1, tỉnh T1 giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 , Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt tiền bị cáo Bùi Văn C 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) sung vào công quỹ nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt tiền các bị cáo Lê Văn D, Phạm Văn T mỗi bị cáo 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) sung vào công quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 7.610.000đ (Bảy triệu sáu trăm mười nghìn) đồng. Tịch thu tiêu hủy 1 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân.

Áp dụng khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho các bị cáo Lê Văn D, bị cáo Lê Văn N, Bùi Văn C số tiền 4.020.000đ gồm 2.000.000đ thu từ bị cáo Lê Văn D; 1.500.000đ thu từ bị cáo Lê Văn N; 520.000đ thu từ bị cáo Bùi Văn C.

(Các tài sản, đồ vật trên có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/11/2021 tại Chi cục thi hành án huyện T12)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo Lê Văn Q, Nguyễn Văn P, Lê Văn N, Lê Văn D, Bùi Văn C, Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 02/12/2021./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Thái Thụy;
- VKSND tỉnh T7;
- Trại tạm giam Thái Bình;
- Công an huyện Thái Thụy;
- Chi cục THADS Thái Thụy;
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- Lưu HCTP;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đào Thị Xuân Quỳnh